**Bản Thông Báo về Tình Trạng Hội Đủ Điều Kiện Nhận Dịch Vụ Giáo Dục Đặc Biệt**

**(Bệnh Rối Loạn Giao Tiếp 50)**

Tên Học Sinh Ngày Tháng Năm Sinh

Trường Ngày Xác Định Tình Trạng Hội Đủ Điều Kiện Lần Đầu Tiên

*Nhóm đã tiến hành các thủ tục thẩm định sau đây* (đính kèm báo cáo thẩm định, trong đó trình bày và giải thích về kết quả thẩm định):

1. **Nhóm đã xem xét thông tin hiện có, trong đó bao gồm cả thông tin cho phụ huynh, hồ sơ tổng hợp của học sinh, và các chương trình dịch vụ gia đình cá nhân hoặc các chương trình giáo dục cá nhân trước đây.** Hồ sơ thẩm định bao gồm thông tin liên quan từ các nguồn này được sử dụng để xác định tình trạng hội đủ điều kiện.

 Ngày Duyệt Xét

1. **Thẩm định ngôn ngữ và nói năng:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |
| Chuyên Gia Chữa Bệnh về Ngôn Ngữ - Nói Năng |  | Thẩm Định |  | Ngày Tiến Hành |  | Ngày Duyệt Xét |

1. **Đối với học sinh bị nghi ngờ là mắc chứng rối loạn liên quan tới giọng nói, giấy xác nhận của bác sĩ:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |
| Bác sĩ chuyên khoa tai họng |  | Thẩm Định |  | Ngày Tiến Hành |  | Ngày Duyệt Xét |

1. **Kết quả chẩn đoán y tế hoặc sức khỏe (đối với trường hợp không phải là chứng bệnh liên quan tới giọng nói) khi cần thiết:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |
| Bác Sĩ, Nhân Viên Hành Nghề Y Tá, hoặc Phụ Tá Bác Sĩ |  | Ngày Tiến Hành |  | Ngày Duyệt Xét |

1. **Đánh giá hoặc kiểm tra mức thính giác và đánh giá chức năng hoạt động của tai giữa, nếu cần thiết:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |
| Thẩm Định Viên |  | Thẩm Định |  | Ngày Tiến Hành |  | Ngày Duyệt Xét |

1. **Đánh giá cơ chế nói của học sinh, nếu cần:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |
| Thẩm Định Viên |  | Thẩm Định |  | Ngày Tiến Hành |  | Ngày Duyệt Xét |

1. **Đối với cú pháp, hình thái học, ngữ nghĩa, hoặc thực hành, mẫu đại diện về ngôn ngữ và các phương pháp kiểm tra toàn diện đã được tiêu chuẩn hóa để đánh giá sự biểu hiện và mức độ hiểu:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |
| Chuyên Gia Chữa Bệnh về Ngôn Ngữ - Nói Năng |  | Thẩm Định |  | Ngày Tiến Hành |  | Ngày Duyệt Xét |
|  |  |  |  |  |  |  |
| Chuyên Gia Chữa Bệnh về Ngôn Ngữ - Nói Năng |  | Thẩm Định |  | Ngày Tiến Hành |  | Ngày Duyệt Xét |

1. **Đối với bệnh liên quan tới mức độ nói trôi chảy, kết quả quan sát trong ít nhất hai môi trường:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| Chuyên Gia Chữa Bệnh về Ngôn Ngữ - Nói Năng |  | Các Thủ Tục Đánh Giá |  | Ngày Tiến Hành |  | Ngày Duyệt Xét |

1. **Các thủ tục thẩm định cần thiết để xác định ảnh hưởng của tình trạng tàn tật đang được xem xét:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| Thẩm Định Viên |  | Các Thủ Tục Đánh Giá |  | Ngày Tiến Hành |  | Ngày Duyệt Xét |

1. **Các thủ tục đánh giá hoặc thẩm định thêm và cần thiết để xác định nhu cầu học tập của học sinh.**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| Thẩm Định Viên |  | Các Thủ Tục Đánh Giá |  | Ngày Tiến Hành |  | Ngày Duyệt Xét |

***Học sinh hội đủ một hoặc nhiều tiêu chí sau đây:***

***Đối với bệnh liên quan tới giọng nói:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| [ ] có | [ ] không | Học sinh thể hiện các đặc điểm giọng nói trong thời gian dài, khác với ít nhất một trong các vấn đề về âm vực, chất lượng, mức độ hoặc âm vang; *VÀ* |
| [ ] có | [ ] không | Bệnh liên quan tới giọng nói của học sinh ảnh hưởng tới trí tuệ hoặc việc giao tiếp; *VÀ* |
| [ ] có | [ ] không | Bệnh liên quan tới giọng nói của học sinh được đánh giá là ở mức độ vừa phải tới nghiêm trọng theo thang điểm đánh giá giọng nói. |

***Đối với bệnh về mức độ nói trôi chảy:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| [ ] có | [ ] không | Học sinh có sự ngắt quãng về nhịp điệu hoặc tốc độ nói, thể hiện qua các dấu hiệu ngập ngừng, lặp lại hoặc kéo dài âm, âm tiết, từ, câu; *VÀ* |
| [ ] có | [ ] không | Bệnh liên quan tới mức độ nói trôi chảy của học sinh gây trở ngại tới việc giao tiếp và cần được lưu ý trong ít nhất hai môi trường; *VÀ* |
| [ ] có | [ ] không | Học sinh có tình trạng nói không trôi chảy ở mức độ vừa phải tới nghiêm trọng hoặc học sinh thể hiện các hành vi thứ yếu liên quan như khó khăn hoặc né tránh, theo kết quả đánh giá dựa trên biện pháp đánh giá được tiêu chuẩn hóa. |

***Đối với bệnh phát âm rõ ràng hoặc về ngữ âm:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| [ ] có | [ ] không | Ngữ âm hoặc cách phát âm của học sinh được đánh giá là thiếu hụt đáng kể dựa trên phương pháp kiểm tra được tiêu chuẩn hóa; *VÀ* |
| [ ] có | [ ] không | Căn bệnh đó được chứng minh qua mẫu ngôn ngữ hoặc (các) phương pháp đánh giá khác. |

***Đối với bệnh về syntax, morphology, pragmatic, hoặc semantic:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| [ ] có | [ ] không | Ngôn ngữ của học sinh trong vấn đề cú pháp, hình thái học, ngữ nghĩa, hoặc thực hành có sự khác biệt đáng kể theo kết quả đánh giá dựa trên (các) phương pháp kiểm tra được tiêu chuẩn hóa; *VÀ* |
| [ ] có | [ ] không | Căn bệnh đó được chứng minh qua mẫu ngôn ngữ hoặc (các) phương pháp đánh giá khác; *VÀ* |
| [ ] có | [ ] không | Căn bệnh đó không phải do tình trạng khuyết tật khác. |

***Nhóm thấy rằng:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| [ ] có | [ ] không | 1. Tình trạng khuyết tật của học sinh có ảnh hưởng bất lợi tới kết quả học tập của em khi học sinh ở độ tuổi hội đủ điều kiện tham gia chương trình mẫu giáo tới 21 tuổi, hoặc tới quá trình phát triển của học sinh nếu em từ ba tuổi tới tuổi mẫu giáo; và |
| [ ] có | [ ] không | 2. Học sinh cần các dịch vụ giáo dục đặc biệt. |
|  |  | 3. Nhóm đã xem xét tình trạng hội đủ điều kiện nhận dịch vụ giáo dục đặc biệt của học sinh, và thấy rằng tình trạng hội đủ điều kiện đó:⬜ ***có*** ⬜ ***không*** phải là do thiếu chương trình giảng dạy thích hợp về môn tập đọc, trong đó bao gồm cả các phần chính trong chương trình tập đọc (nhận thức ngữ âm, ngữ âm, phát triển từ vựng; các kỹ năng đọc miệng/đọc thông thạo; và các phương pháp đọc hiểu);⬜ ***có*** ⬜ ***không*** phải do thiếu chương trình giảng dạy thích hợp về môn toán; và⬜ ***có*** ⬜ ***không*** phải là do có trình độ Anh ngữ hạn chế. |

***Nhóm đồng ý rằng học sinh này*** ***[ ] có*** ***[ ] không hội đủ điều kiện nhận dịch vụ giáo dục đặc biệt.***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chữ Ký của Các Thành Viên trong Nhóm** |  | **Chức Vụ** | **Đồng Ý** | **Không Đồng Ý** |
|  |  |  | [ ]  | [ ]  |
|  |  |  | [ ]  | [ ]  |
|  |  |  | [ ]  | [ ]  |
|  |  |  | [ ]  | [ ]  |
|  |  |  | [ ]  | [ ]  |

[ ]  Đã cung cấp bản sao của báo cáo thẩm định và bản thông báo về tình trạng hội đủ điều kiện cho phụ huynh.